

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 54

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") là doanh nghiệp nhà nước, tiền thân là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 189/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 12 năm 2007.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2011.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là:

- ▶ kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng như thạch cao, các loại sản phẩm từ xi măng;
- ▶ đầu tư các dự án xây dựng;
- ▶ lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, thẩm tra dự án, giám sát thi công, thiết kế; và
- ▶ các hoạt động kinh doanh khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Khải	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	
Ông Lê Nam Khánh	Thành viên	
Ông Phạm Văn Nhận	Thành viên	
Ông Tạ Quang Bửu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2015
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cái Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Việt Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Số tham chiếu: 61121159/17685293

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Cho đến ngày của báo cáo này, Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1


Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.475.819.279.661	1.779.786.375.367
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.495.505.138.006	874.435.588.752
111	1. Tiền		1.495.505.138.006	874.435.588.752
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	1.478.409.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	2.479.062.500
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1.000.653.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		970.219.316.645	893.321.192.005
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	330.821.990.137	472.726.753.309
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	40.082.115.945	74.605.001.204
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	32.028.000
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	200.000.000.000	193.067.548.762
136	5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7	443.577.977.757	308.263.309.768
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1; 7	(44.262.767.194)	(155.373.449.038)
140	IV. Hàng tồn kho		11.457.802	8.162.604
141	1. Hàng tồn kho		11.457.802	8.162.604
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.083.367.208	10.543.023.006
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	397.323.702
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.785.842.618	1.870.453.775
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	8.297.524.590	8.275.245.529

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.509.447.427.046	12.103.732.368.022
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		291.568.573.607	152.368.573.607
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	291.568.573.607	152.368.573.607
220	II. Tài sản cố định		390.768.837.450	397.639.115.862
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	13.544.853.007	17.627.158.886
222	Nguyên giá		70.322.972.630	70.012.145.357
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(56.778.119.623)	(52.384.986.471)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	377.223.984.443	380.011.956.976
228	Nguyên giá		387.996.930.834	387.996.930.834
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.946.391)	(7.984.973.858)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		814.083.822.273	631.198.184.631
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	814.083.822.273	631.198.184.631
250	VI. Đầu tư tài chính dài hạn	12	9.997.513.560.581	10.921.704.566.741
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	9.172.621.868.883	9.118.255.182.878
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.2	2.005.951.403.394	2.207.942.579.399
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	346.005.432.143	249.476.145.085
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.527.065.143.839)	(653.969.340.621)
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.512.633.135	821.927.181
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.512.633.135	821.927.181
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.985.266.706.707	13.883.518.743.389

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.112.413.151.273	1.029.978.963.659
310	I. Nợ ngắn hạn		437.403.965.212	530.306.285.105
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	210.036.809.622	350.037.396.178
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	4.360.693.321
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	48.967.797.379	17.330.544.559
314	4. Phải trả người lao động		50.859.746.872	39.112.836.015
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	26.416.219.733	37.812.630.673
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		696.213.637	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	63.534.370.007	38.947.939.012
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	25.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	36.892.807.962	17.704.245.347
330	II. Nợ dài hạn		675.009.186.061	499.672.678.554
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	675.009.186.061	499.672.678.554
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.872.853.555.434	12.853.539.779.730
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	12.872.853.555.434	12.853.539.779.730
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		12.360.202.074.843	12.360.202.074.843
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		97.859.545.560	97.859.545.560
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		414.791.935.031	383.453.459.604
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	12.024.699.723
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		-	12.024.699.723
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13.985.266.706.707	13.883.518.743.389



Người lập
Trịnh Thị Hương



Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung





Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	618.196.918.099	925.986.675.098
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		618.196.918.099	925.986.675.098
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(364.151.280.333)	(699.963.376.175)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		254.045.637.766	226.023.298.923
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	831.377.909.217	329.014.482.057
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(876.244.051.454) (2.528.444.444)	(104.360.826.426) (3.610.319.448)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(283.676.787)	(528.259.539)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(97.912.345.577)	(354.426.675.571)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		110.983.473.165	95.722.019.444
31	11. Thu nhập khác		38.647.680	1.079.910.979
32	12. Chi phí khác		(5.892.706.528)	(2.074.337.192)
40	13. Lỗ khác		(5.854.058.848)	(994.426.213)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.129.414.317	94.727.593.231
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(667.829.562)	(106.256.261)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		104.461.584.755	94.621.336.970



Người lập
Trịnh Thị Hương



Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung



Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.129.414.317	94.727.593.231
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, khấu trừ tài sản cố định		7.181.105.685	7.447.919.090
03	Các khoản dự phòng		760.984.467.874	253.138.733.783
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(412.133.432)	(4.447.542.519)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(814.843.591.542)	(319.905.279.902)
06	Chi phí lãi vay	24	2.528.444.444	3.610.319.448
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		60.567.707.346	34.571.743.131
09	Giảm các khoản phải thu		193.332.204.889	117.341.556.046
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(3.295.198)	53.954.402
11	Giảm/(tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(88.011.806.109)	180.071.545.991
12	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		(14.293.382.252)	624.995.157
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		2.198.307.200	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.991.269.979)	(3.319.254.415)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(539.409.253)	(182.052.691)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.678.068.269)	(841.834.470)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		122.580.988.375	328.320.653.151
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(133.764.541.655)	(87.500.250.898)
23	Tiền chi cho vay		(600.000.000.000)	(50.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, thu hồi quỹ ủy thác đầu tư		453.867.548.762	131.407.025.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(5.000.000.000)	(164.267.600.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		168.433.488.750	7.378.803.104
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		572.408.154.056	295.175.249.177
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		455.944.649.913	132.193.226.383

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		230.221.922.180	221.167.267.241
34	Tiền trả nợ gốc vay		(135.000.000.000)	(200.000.000.000)
35	Lợi nhuận nộp về ngân sách nhà nước		(52.863.934.051)	(20.955.532.427)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		42.357.988.129	211.734.814
50	Tăng tiền thuần trong năm		620.883.626.417	460.725.614.348
60	Tiền đầu năm	4	874.435.588.752	410.159.719.140
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ		185.922.837	3.550.255.264
70	Tiền cuối năm	4	1.495.505.138.006	874.435.588.752



Người lập
Trịnh Thị Hương



Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung



Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") là doanh nghiệp nhà nước, tiền thân là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 189/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 12 năm 2007.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2011.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là:

- ▶ kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng như thạch cao, các loại sản phẩm từ xi măng;
- ▶ đầu tư các dự án xây dựng;
- ▶ lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, thẩm tra dự án, giám sát thi công, thiết kế; và
- ▶ các hoạt động kinh doanh khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 324 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 336 người).

Cơ cấu tổ chức

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con như sau:

Các đơn vị trực thuộc bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- ▶ Ban Quản lý Vicem;
- ▶ Ban Quản lý Dự án Nhà máy kết cấu bê tông – vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Quỳnh Lưu, Nghệ An; và
- ▶ Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị sự nghiệp:

- ▶ Viện Công nghệ Xi măng Vicem.

Các công ty con là các công ty TNHH một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn

Tổng Công ty có các công ty con là các công ty TNHH một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn bao gồm:

- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng;
- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch; và
- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con là các công ty cổ phần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các công ty con là công ty cổ phần như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết trong Hội đồng Quản trị
1. Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	73,15%	73,15%
2. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	79,51%	79,51%
3. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	70,96%	70,96%
4. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Số 360 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	79,69%	79,69%
5. Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	51,21%	51,21%
6. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Số 65 Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	76,55%	76,55%
7. Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	65,81%	65,81%
8. Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Số 348 Giải Phóng Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	59,64%	59,64%
9. Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Số 21B Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	62,95%	62,95%
10. Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát	Số 185, Lê Trọng Tấn, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	55,45%	55,45%
11. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Số 290 đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	53,86%	53,86%
12. Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	51,61%	51,61%
13. Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Số 1 đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	63,63%	63,63%
14. Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	KM số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%

Theo Văn bản số 33/VPCP-ĐMDN ngày 7 tháng 1 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chủ trương chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-BXD ngày 20 tháng 1 năm 2016 quyết định chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty theo hình thức ghi tăng-giảm vốn với số liệu được chuyển giao là tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Thực hiện theo các quyết định và văn bản hướng dẫn nêu trên, vào ngày 3 tháng 2 năm 2016, Tổng Công ty Sông Đà và Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã ký Biên bản Thỏa thuận chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty với số lượng cổ phần được chuyển giao là 64.576.290 cổ phần, tương ứng với 65,76% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, các bên liên quan vẫn đang trong quá trình thực hiện các nội dung về công tác chuyển giao như được đề cập tại Biên bản thỏa thuận chuyển giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con là các công ty cổ phần (tiếp theo)

Vào ngày 1 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã gửi văn bản số 390/Vicem-KTTC&NV tới Bộ Xây dựng đề nghị hướng dẫn cụ thể về thời điểm và cách thức ghi nhận khoản đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long do Tổng Công ty chỉ chính thức trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2016 (thời điểm hoàn tất thủ tục đăng ký cổ đông) cũng như Tổng Công ty chưa được chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa nhận được ý kiến trả lời chính thức từ Bộ Xây dựng và theo đó, Tổng Công ty chưa đủ cơ sở để ghi nhận ghi tăng vốn nhà nước và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã lập báo cáo tài chính riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày cho mục đích báo cáo cho các cơ quan nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Tổng Công ty hiện cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Theo Quyết định số 841/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ký ngày 1 tháng 6 năm 2011 phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Vicem là công ty mẹ trong Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có các đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị phụ thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN được ban hành bởi Hội đồng Thành Viên của Tổng Công ty ngày 15 tháng 6 năm 2011, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng Công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng do Tổng Công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các năm tài chính trước không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho cùng kỳ tài chính.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả các báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (tiếp theo)

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ,...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện v.v.. giữa Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc với nhau được căn trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc áp dụng cho việc lập báo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm này như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ và phụ tùng	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn công cụ, dụng cụ, phụ tùng xuất dùng và lao động trực tiếp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v...) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng lô đất ký hiệu 10E6 tại khu Đô thị mới Cầu Giấy, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội với diện tích 8.476m² được giao trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 1 tháng 11 năm 2010 theo Quyết định số 5386/QĐ-UBND do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 1 năm 2010 nhằm mục đích xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 4 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23 tháng 11 năm 2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản lợi nhuận được điều chuyển từ các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn về Tổng Công ty theo các quyết định của Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty, cũng như các khoản cổ tức được chia từ công ty con là công ty cổ phần sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận là doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Chi phí lương

Chi phí lương trong năm tài chính 2015 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 9 tháng 9 năm 2013 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi Tổng Công ty trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ đã hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Các khoản lãi vay vốn của các đơn vị thành viên được ghi nhận trên cơ sở số tiền cho vay, thời gian cho vay và lãi suất được ghi trên hợp đồng. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng và thông báo lãi của ngân hàng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	718.208.513	1.559.416.277
Tiền gửi ngân hàng	1.494.786.929.493	872.876.172.475
TỔNG CỘNG	1.495.505.138.006	874.435.588.752

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	23.418.607.225	52.156.430.813
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	307.403.382.912	420.570.322.496
TỔNG CỘNG	330.821.990.137	472.726.753.309
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(36.305.141.942)	(60.028.924.153)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	60.028.924.153	719.911.037
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	13.633.792.126	59.309.013.116
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(37.357.574.337)	-
Số cuối năm (*)	36.305.141.942	60.028.924.153

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản dự phòng được trích lập trong năm cho các khoản phải thu quá hạn từ các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần TID	35.623.656.000	35.623.656.000
Ứng trước chi phí giải phóng mặt bằng cho Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, dự án Nhà máy kết cấu bê tông – vật liệu xây dựng không nung		
Đồng Hới	-	22.650.246.000
Trả trước cho người bán khác	4.458.459.945	16.331.099.204
TỔNG CỘNG	40.082.115.945	74.605.001.204

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp (i)	200.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	93.067.548.762
TỔNG CỘNG	200.000.000.000	193.067.548.762
Dài hạn (ii)		
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	200.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	17.568.573.607	17.568.573.607
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	24.000.000.000	28.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	6.800.000.000
TỔNG CỘNG	291.568.573.607	152.368.573.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bao gồm:

<i>Bên vay</i>	<i>Hợp đồng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1148/VICEM-KTTC&NV 870/VICEM-KTTC&NV 05/ VICEM-KTTC&NV	100.000.000.000 50.000.000.000 50.000.000.000	Đáo hạn ngày 23 tháng 9 năm 2016. Đáo hạn ngày 12 tháng 5 năm 2016. Đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2016.	6,5%/năm 6,5%/năm 7%/năm	Không Không Không
		<u>200.000.000.000</u>			

(ii) Chi tiết các khoản cho vay dài hạn bao gồm:

<i>Bên vay</i>	<i>Hợp đồng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	390/VICEM-KTTC	100.000.000.000	Đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2017.	5,5%/năm	Không
	34/VICEM-KTTC&NV	100.000.000.000	Đáo hạn ngày 14 tháng 4 năm 2017.	6,5%/năm	Không
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	2447/VICEM-KTTC&NV	50.000.000.000	Thời hạn cho vay ban đầu là 1 năm và được gia hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.	5.5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư vận tải Xi măng	223/XMVN-KTTC	24.000.000.000	Đáo hạn vào ngày 3 tháng 8 năm 2017.	10,8%/năm	Không
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	1560/XMVN-KTTC	17.568.573.607	Thời hạn cho vay là 3 năm kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2013 và được gia hạn đến ngày 20 tháng 4 năm 2020.	7%/năm	Không
TỔNG CỘNG		<u>291.568.573.607</u>			

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lợi nhuận, cổ tức được chia	367.861.514.196	-	74.328.270.117	-
Phải thu lãi cho vay	38.055.201.693	(7.957.625.252)	204.403.688.844	(95.344.524.885)
Phải thu nhà nước về chi phí cổ phần hóa	9.049.283.218	-	1.141.363.636	-
Phải thu các đơn vị thành viên phí bản quyền Oracle	6.350.296.364	-	6.350.296.364	-
Phải thu các đơn vị thành viên tiền hỗ trợ huyện nghèo và Tây Nam Bộ	5.730.000.000	-	9.200.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.129.314.606	-	3.910.176.076	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	3.130.900.075	-	5.898.684.776	-
Phải thu khác	9.271.467.605	-	3.030.829.955	-
TỔNG CỘNG	443.577.977.757	(7.957.625.252)	308.263.309.768	(95.344.524.885)
Trong đó:				
Phải thu khác	19.784.702.804	-	8.269.382.856	-
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 28)	423.793.274.953	(7.957.625.252)	299.993.926.912	(95.344.524.885)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	95.344.524.885	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.648.149.999	95.344.524.885
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(90.035.049.632)	-
Số cuối năm	<u>7.957.625.252</u>	<u>95.344.524.885</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà xưởng, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	31.091.857.610	2.066.564.920	20.434.181.267	16.419.541.560	70.012.145.357
- Mua trong năm	-	200.000.000	-	110.827.273	310.827.273
Số dư cuối năm	31.091.857.610	2.266.564.920	20.434.181.267	16.530.368.833	70.322.972.630
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	15.606.628.977	1.223.564.920	16.475.166.721	5.965.932.560	39.271.293.178
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	22.604.404.222	1.300.181.587	18.233.449.008	10.246.951.654	52.384.986.471
- Khấu hao trong năm	390.359.881	171.933.321	659.835.756	3.171.004.194	4.393.133.152
Số dư cuối năm	22.994.764.103	1.472.114.908	18.893.284.764	13.417.955.848	56.778.119.623
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	8.487.453.388	766.383.333	2.200.732.259	6.172.589.906	17.627.158.886
Số dư cuối năm	8.097.093.507	794.450.012	1.540.896.503	3.112.412.985	13.544.853.007

(*) Nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5,8 tỷ đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng Công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng Công ty sẽ xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng – Bộ Xây dựng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	374.116.278.348	4.148.404.600	9.732.247.886	387.996.930.834
Số dư cuối năm	374.116.278.348	4.148.404.600	9.732.247.886	387.996.930.834
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	-	3.746.199.516	4.238.774.342	7.984.973.858
- Hao mòn trong năm	-	312.489.197	2.475.483.336	2.787.972.533
Số dư cuối năm	-	4.058.688.713	6.714.257.678	10.772.946.391
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	374.116.278.348	402.205.084	5.493.473.544	380.011.956.976
Số dư cuối năm	374.116.278.348	89.715.887	3.017.990.208	377.223.984.443

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Cầu Giấy, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Thuyết minh số 3.6). Tổng Công ty chưa thực hiện trích hao mòn giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng cho mục đích xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem (Thuyết minh 10).

Quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam như được trình bày ở Thuyết minh số 19.

THUYET MINH BAO CAO TAI CHINH RIENG (tiếp theo)

10. CHI PHI XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯ DANG

Đơn vị tính: VND

Số đầu năm	Số cuối năm	(Trình bày lại)
------------	-------------	-----------------

TỔNG CỘNG	
814.083.822.273	631.198.184.631
1.728.893.952	-
1.728.893.952	-
812.354.928.321	631.198.184.631
35.432.712.355	24.825.271.155
1.864.870.909	887.598.182
714.975.478.784	545.452.774.383
60.081.866.273	60.032.540.911
Chi phí khảo sát, lập dự án khu cảng Đông Hới (iv)	
dự án không nung (iiiii)	
Dự án Nhà máy kết cấu bê tông – vật liệu xây	
Dự án Xây dựng khu tổng hợp Vĩnh Tuy (iii)	
Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem (i)	

(i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem được triển khai theo Quyết định phê duyệt số 2208/QĐ-XM/VN ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty và Giấy Chứng nhận đầu tư số 01121000884 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành ngày 20 tháng 9 năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến là 1,482 tỷ đồng.

(ii) Dự án xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy được triển khai theo Quyết định số 1000/QĐ-XMVN được ban hành bởi Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ngày 4 tháng 7 năm 2012, với tổng mức đầu tư là 6,5 nghìn tỷ đồng. Tài thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Dự án vẫn đang trong giai đoạn lập phương án kiến trúc, dự án đầu tư và chưa được cấp giấy phép đầu tư xây dựng.

(iii) Dự án Nhà máy kết cấu bê tông – vật liệu xây dựng không nung được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XM-VN ban hành bởi Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ngày 9 tháng 6 năm 2010 với tổng mức đầu tư ước tính khoảng 819 tỷ đồng. Theo văn bản số 651/KKT-DT ban hành bởi Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nam - Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nam đã chấp thuận cho phép Tổng Công ty tạm ngưng thực hiện dự án từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, các thay đổi liên quan đến tiến độ thực hiện dự án, nguồn vốn đầu tư chưa được hoàn thành và phê duyệt bởi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Chi phí đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu liên quan đến chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ cho dự án.

(iv) Dự án khảo sát, lập dự án khu cảng Đông Hồ được thực hiện theo Văn bản chấp thuận số 242/XM-VN-HĐQT do Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2010. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, các quyết định chính thức liên quan đến việc tiếp tục triển khai, đầu tư dự án chưa được Ban lãnh đạo Tổng Công ty xem xét, phê duyệt.

11. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm tài chính 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 56,4 tỷ đồng Việt Nam (2014: 48,2 tỷ đồng Việt Nam). Các khoản chi phí đi vay này chủ yếu liên quan đến khoản vay phục vụ cho dự án đầu tư Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vitem.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Đầu tư vào công ty con	9.172.621.868.883	(1.478.388.004.113)	7.694.233.864.770	9.118.255.182.878	(610.485.570.859)	8.507.769.612.019
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.005.951.403.394	(9.000.000.000)	1.996.951.403.394	2.207.942.579.399	(6.120.000.000)	2.201.822.579.399
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	346.005.432.143	(39.677.139.726)	306.328.292.417	249.476.145.085	(37.363.769.762)	212.112.375.323
TỔNG CỘNG	11.524.578.704.420	(1.527.065.143.839)	9.997.513.560.581	11.575.673.907.362	(653.969.340.621)	10.921.704.566.741

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đầu năm	653.969.340.621	555.330.233.439
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	906.245.838.626	283.164.522.806
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(33.150.035.408)	(184.525.415.624)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cuối năm (*)	1.527.065.143.839	653.969.340.621

- (*) Số dư dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập cho các khoản lỗ phát sinh của hai công ty con của Tổng Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng và Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp với tổng số tiền khoảng 1.473 tỷ đồng, bao gồm dự phòng cho các khoản lỗ và các tổn thất tài chính phát sinh trước thời điểm các công ty con này được chuyển đổi thành công ty TNHH Một thành viên (ngày 30 tháng 6 năm 2011) được trích lập bổ sung trong năm 2015 với số tiền là 901 tỷ đồng.

Trong năm 2014, Tổng Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản lỗ này sau khi Tổng Công ty nhận được Công văn số 11486/BTC-TCĐN do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2014, trong đó đề cập các khoản lỗ và các tổn thất tài chính phát sinh trước thời điểm chuyển đổi của các công ty con nêu trên sẽ được Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam xem xét và xử lý tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với thời gian dự kiến ban đầu là vào ngày 30 tháng 9 năm 2014.

Tuy nhiên, theo Văn bản số 64/TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 17 tháng 7 năm 2015 về việc tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sẽ được điều chỉnh sau khi hoàn tất việc tiếp nhận Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long. Đến nay, phương án tiếp nhận Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long đang được các cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét nên Tổng Công ty chưa xác định được thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Theo văn bản số 51/TB-VPCP của Văn phòng chính phủ vào ngày 15 tháng 3 năm 2016, phương án tái cơ cấu và cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sau khi tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Xi măng Hạ Long được giao cho Bộ Xây dựng. Vì vậy, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam đã thực hiện trích lập bổ sung khoản dự phòng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Quyền biểu quyết	VND	Quyền biểu quyết
Các công ty con là công ty TNHH Một thành viên				
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.323.625.122.434	100,00%	1.323.625.122.434	100,00%
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.132.027.198.900	100,00%	1.132.027.198.900	100,00%
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.021.101.622.719	100,00%	1.021.101.622.719	100,00%
Các công ty con là công ty cổ phần				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.584.434.333.100	79,69%	2.584.434.333.100	79,69%
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	898.556.152.000	79,51%	898.556.152.000	79,51%
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	733.291.747.950	73,15%	733.291.747.950	73,15%
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	510.918.000.000	70,96%	510.918.000.000	70,96%
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	305.957.600.000	76,55%	305.957.600.000	76,55%
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (i)	279.365.401.780	62,95%	181.156.801.780	62,95%
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (ii)	120.000.000.000	63,63%	115.000.000.000	62,64%
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (i)	92.096.300.000	50,08%	76.952.390.000	50,08%
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	65.147.000.000	65,81%	65.147.000.000	65,81%
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	41.990.150.000	51,21%	41.990.150.000	51,21%
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	35.786.140.000	59,64%	35.786.140.000	59,64%
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng	16.290.600.000	53,86%	16.290.600.000	53,86%
Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát	8.680.000.000	55,45%	8.680.000.000	55,45%
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	3.354.500.000	51,61%	3.354.500.000	51,61%
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (iii)	-	-	24.471.323.995	52,97%
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn (iii)	-	-	21.100.000.000	55,53%
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (iii)	-	-	18.414.500.000	61,14%
TỔNG CỘNG	9.172.621.868.883		9.118.255.182.878	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.478.388.004.113)		(610.485.570.859)	

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

- (i) Giá trị đầu tư tại các đơn vị này được ghi nhận tăng trong năm tương ứng với giá trị cổ tức được chia bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng tại các đơn vị này trong năm 2015.

Trong giai đoạn tài chính 11 tháng kết thúc ngày 30 tháng 11 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã áp dụng Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Công văn số 15716/BTC-TCĐN do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn theo dõi, hạch toán sổ cổ phiếu được chia của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Theo đó, đối với các cổ phiếu nhận được từ việc chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) hoặc không phải do chia cổ tức (cổ phiếu thưởng), Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam căn cứ vào số lượng cổ phiếu nhận được và ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tài chính.

Kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam áp dụng hướng dẫn quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, theo đó đối với cổ phiếu nhận được từ việc chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) hoặc không phải do chia cổ tức (cổ phiếu thưởng), Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam căn cứ vào số lượng cổ phiếu nhận được, ghi sổ và phản ánh trên báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành đối với các doanh nghiệp.

- (ii) Theo Thông báo số 72/TB-VPCP do Văn phòng Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 3 năm 2015 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về Dự án Khu đô thị Xi măng Hải Phòng hiện đang được Tổng Công ty giao cho Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng thực hiện triển khai. Chính phủ đã thống nhất chủ trương về việc Tổng Công ty không tiếp tục thực hiện Dự án Khu Đô thị Xi măng Hải Phòng và bàn giao lại khu đất của Dự án này cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng trong tháng 3 năm 2015. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng sẽ được hoàn trả các khoản chi phí đã chi trả trong quá trình thực hiện và triển khai Dự án này (tương ứng với số tiền vốn góp vào Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng). Tuy nhiên, trong năm 2015, theo cam kết góp vốn cũng như đảm bảo cấp đủ nguồn kinh phí cho công ty này hoạt động trong năm 2015 và đến thời điểm hoàn tất công tác giải thể doanh nghiệp, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã cấp bổ sung nguồn kinh phí tương ứng với vốn góp bổ sung của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng với số tiền là 5 tỷ đồng Việt Nam.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc và thống nhất với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc thực hiện công tác bàn giao lại khu đất của dự án cũng như các khoản chi phí cần được hoàn trả bởi Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng và/hoặc nhà đầu tư mới của dự án.

- (iii) Phân loại sang đầu tư vào công ty liên kết do thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng Công ty trong các công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Quyền biểu quyết	VND	Quyền biểu quyết
Công ty Xi măng Nghi Sơn	872.610.611.500	35,00%	872.610.611.500	35,00%
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	814.863.899.899	35,00%	814.863.899.899	35,00%
Công ty Xi Măng Chinfon	194.035.068.000	14,44%	194.035.068.000	14,44%
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	36.611.500.000	48,17%	36.611.500.000	48,17%
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (*)	22.634.323.995	49,00%	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (*)	18.620.000.000	49,00%	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000	38,45%
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (*)	14.754.500.000	49,00%	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.000.000.000	24,00%	12.000.000.000	24,00%
Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Hoàng Thạch	4.441.000.000	27,76%	4.441.000.000	27,76%
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (**)	-	-	258.000.000.000	39,67%
TỔNG CỘNG	2.005.951.403.394		2.207.942.579.399	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(9.000.000.000)		(6.120.000.000)	

(*) Phân loại từ khoản mục đầu tư vào công ty con do thay đổi quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong Hội đồng Quản trị của các đơn vị này.

(**) Phân loại sang khoản mục đầu tư dài hạn khác do thay đổi quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong Hội đồng Quản trị của đơn vị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Đầu tư vào cổ phiếu (i)	342.169.399.950	244.625.888.700
Đầu tư dài hạn khác (ii)	3.836.032.193	4.850.256.385
TỔNG CỘNG	346.005.432.143	249.476.145.085
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	(39.677.139.726)	(37.363.769.762)

(i) Đầu tư vào cổ phiếu

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	9.073.815	97.543.511.250	-	-
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	3.402.366	43.625.888.700	3.402.366	43.625.888.700
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie	9.600.000	96.000.000.000	9.600.000	96.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Kratie	10.500.000	105.000.000.000	10.500.000	105.000.000.000
TỔNG CỘNG	32.576.181	342.169.399.950	23.502.366	244.625.888.700
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(39.677.139.726)		(37.363.769.762)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty nắm giữ vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Kratie với tỷ lệ lần lượt là 12,5%; 13,56% và 14,37%.

Theo Quyết định 1013/QĐ-Ttg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam giai đoạn 2013 - 2015, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án tái cơ cấu tài chính và các khoản đầu tư của Tổng công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ phải thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư tại các doanh nghiệp nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3. Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

(ii) Đầu tư dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp đồng hợp tác với Traco Hải Phòng (*)	3.836.032.193	4.850.256.385
TỔNG CỘNG	3.836.032.193	4.850.256.385

(*) Đây là khoản đầu tư góp vốn đóng mới và kinh doanh tàu Hải Phòng 27 với trọng tải 3000DWT theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 312/HDKT ký ngày 27 tháng 11 năm 2007 với Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng (Traco Hải Phòng). Tổng giá trị vốn góp của Tổng Công ty là 10,4 tỷ đồng tương ứng với 30,89% giá trị con tàu. Hợp đồng hợp tác này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017 và sẽ được gia hạn nếu các bên tiếp tục có nhu cầu hợp tác.

Cũng căn cứ theo hợp đồng nêu trên và các thỏa thuận liên quan, phần lợi nhuận (lỗ) được chia và các khoản thu hồi khác được ghi nhận như sau:

- Chi phí khấu hao hàng năm của tàu Hải Phòng 27 và sẽ được hoàn trả bởi Traco Hải Phòng (dựa trên biên bản xác nhận định kỳ giữa các bên tham gia góp vốn) được xem như phần thu hồi khoản đầu tư và được ghi giảm trừ vào giá trị đầu tư tàu Hải Phòng 27;
- Phần lợi nhuận/(lỗ) sau thuế được chia từ hoạt động kinh doanh tàu Hải Phòng 27 (dựa trên biên bản xác nhận định kỳ giữa các bên tham gia góp vốn) được ghi nhận là doanh thu/(chi phí) tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã ghi giảm trừ giá trị đầu tư tương ứng với tỷ lệ phân chia chi phí khấu hao con tàu (đã được hoàn trả bởi Traco Hải Phòng) của năm 2014 với tổng số tiền là 1.014.224.192 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước tiền thuê đất dự án nhà máy gạch không nung Nghệ An, Đông Hồi	14.611.117.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	901.516.135	821.927.181
TỔNG CỘNG	15.512.633.135	821.927.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	97.259.510.363	97.259.510.363	147.584.933.716	147.584.933.716
- Công ty TNHH Vĩnh Phước	50.747.967.783	50.747.967.783	78.098.933.925	78.098.933.925
- Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	25.190.394.192	25.190.394.192	52.851.461.213	52.851.461.213
- Phải trả đối tượng khác	21.321.148.388	21.321.148.388	16.634.538.578	16.634.538.578
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	112.777.299.259	112.777.299.259	202.452.462.462	202.452.462.462
TỔNG CỘNG	210.036.809.622	210.036.809.622	350.037.396.178	350.037.396.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Lợi nhuận phải trả về ngân sách nhà nước	12.523.145.968	38.183.983.128	12.523.145.968	38.183.983.128
Thuế giá trị gia tăng	4.342.678.744	13.352.688.588	7.155.934.451	10.539.432.881
Thuế thu nhập cá nhân	464.719.847	7.165.600.120	7.395.709.636	234.610.331
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	16.769.231.353	16.759.460.314	9.771.039
TỔNG CỘNG	17.330.544.559	75.471.503.189	43.834.250.369	48.967.797.379
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	8.224.041.944	539.409.253	667.829.562	8.095.621.635
Thuế giá trị gia tăng	-	808.056.550	606.163.595	201.892.955
Thuế thu nhập cá nhân	28.675.918	178.191.277	206.857.195	10.000
Các khoản phải thu Nhà nước khác	22.527.667	-	22.527.667	-
TỔNG CỘNG	8.275.245.529	1.525.657.080	1.503.378.019	8.297.524.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	18.075.096.090	18.048.817.280
Phải trả lãi vay	6.224.569.450	4.878.748.514
Phải trả cho nhà thầu phụ của CCID	705.022.405	1.211.702.273
Trích trước tiền thuê đất	-	10.137.568.050
Trích trước chi phí quảng cáo xây dựng thương hiệu	-	3.120.000.000
Phải trả khác	1.411.531.788	415.794.556
TỔNG CỘNG	26.416.219.733	37.812.630.673

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ ủng hộ công tác xã hội và từ thiện nhân đạo (*)	29.993.079.907	19.824.353.340
Phải trả hỗ trợ huyện nghèo	20.448.316.940	11.807.791.940
Phải trả hỗ trợ miền Tây Nam Bộ	8.878.222.830	3.150.994.313
Quỹ ủng hộ xây dựng Thiền Viện Trúc Lâm	501.470.000	641.890.000
Kinh phí công đoàn	21.505.003	8.604.992
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.691.775.327	3.514.304.427
TỔNG CỘNG	63.534.370.007	38.947.939.012
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác</i>	61.926.225.007	35.587.329.012
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	1.608.145.000	3.360.610.000

(*) Đây là các quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng Công ty nhằm mục đích hỗ trợ các đơn vị thành viên gặp khó khăn và các hoạt động từ thiện xã hội khác được đóng góp bởi cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.704.245.347	14.484.424.959
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 20)	32.283.875.000	29.856.125.000
Điều chỉnh quỹ trích thừa năm 2012	-	(14.427.408.218)
Sử dụng quỹ trong năm	(13.095.312.385)	(12.208.896.394)
Số cuối năm	36.892.807.962	17.704.245.347

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng ngắn hạn	25.000.000.000	25.000.000.000	110.000.000.000	(135.000.000.000)	-	-
Vay ngân hàng dài hạn	499.672.678.554	499.672.678.554	175.336.507.507	-	675.009.186.061	675.009.186.061
TỔNG CỘNG	524.672.678.554	524.672.678.554	285.336.507.507	(135.000.000.000)	675.009.186.061	675.009.186.061

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	675.009.186.061	Gốc vay và lãi được thanh toán hàng quý, bắt đầu từ quý III năm 2017.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong kỳ là 9,7%/năm đến 11,5%/năm	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với dự án "Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem"
TỔNG CỘNG	675.009.186.061			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm (trình bày lại)	12.195.934.474.843	97.859.545.560	151.578.317.855	353.328.932.440	9.124.567.239	12.807.825.837.937
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	94.621.336.970	94.621.336.970
- Tăng vốn góp từ quỹ đầu tư phát triển	164.267.600.000	-	(164.267.600.000)	-	-	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	28.386.401.091	-	(28.386.401.091)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(29.856.125.000)	(29.856.125.000)
- Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	(33.478.678.395)	(33.478.678.395)
- Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính về quỹ đầu tư phát triển	-	-	353.328.932.440	(353.328.932.440)	-	-
- Tăng khác	-	-	14.427.408.218	-	-	14.427.408.218
Số cuối năm (trình bày lại)	12.360.202.074.843	97.859.545.560	383.453.459.604	-	12.024.699.723	12.853.539.779.730
Năm nay						
Số đầu năm (trình bày lại)	12.360.202.074.843	97.859.545.560	383.453.459.604	-	12.024.699.723	12.853.539.779.730
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	104.461.584.755	104.461.584.755
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	31.338.475.427	-	(31.338.475.427)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(32.283.875.000)	(32.283.875.000)
- Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	(52.863.934.051)	(52.863.934.051)
Số cuối năm	12.360.202.074.843	97.859.545.560	414.791.935.031	-	-	12.872.853.555.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo hướng dẫn của Nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nhận được kết quả xếp hạng doanh nghiệp năm 2015 do Bộ Xây dựng phê duyệt.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp của chủ sở hữu là 12.360 tỷ đồng cao hơn 402 tỷ đồng so với mức vốn điều lệ được phê duyệt là 11.958 tỷ đồng. Tổng Công ty đang có kế hoạch xin ý kiến chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước để điều chỉnh tăng vốn điều lệ sau khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam hoàn thành công tác cổ phần hóa.

21. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	14.906.507,59	12.866.221
- Euro (EUR)	75.319,44	75.250

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	618.196.918.099	925.986.675.098
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	345.782.904.229	683.270.969.829
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	272.414.013.870	242.715.705.269
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	618.196.918.099	925.986.675.098
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	345.782.904.229	683.270.969.829
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	272.414.013.870	242.715.705.269
	618.196.918.099	925.986.675.098
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.079.226.758	7.304.348.680
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	616.117.691.341	918.682.326.418

(*) Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2015 bao gồm giá trị 255,5 tỷ đồng phí tư vấn chuyển giao Kỹ năng quản lý, phát triển thị trường và tư vấn quản trị doanh nghiệp cho các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Phí tư vấn được xác định theo tỷ lệ doanh thu tiêu thụ xi măng, clinker, xi măng thuê gia công ngoài... căn cứ theo các hợp đồng tư vấn được ký kết với các đơn vị thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	655.239.023.496	278.404.605.782
Cổ phiếu thưởng và cổ tức trả bằng cổ phiếu (**)	113.352.510.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.813.915.995	34.339.674.120
Lãi chuyển nhượng vốn	7.960.364.750	7.161.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.012.094.976	9.109.202.155
TỔNG CỘNG	831.377.909.217	329.014.482.057

(*) Chủ yếu bao gồm lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch với số tiền là 351,9 tỷ đồng; Công ty Xi măng Nghi Sơn với số tiền là 96,8 tỷ đồng và Công ty Xi măng Chínfon với số tiền là 95,8 tỷ đồng.

(**) Đây là cổ phiếu thưởng và cổ tức trả bằng cổ phiếu nhận từ Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên và Công ty Cổ phần Vicem Vật tư vận tải xi măng, như được trình bày tại thuyết minh 12.1.

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	345.782.904.229	683.270.969.829
Giá vốn cung cấp dịch vụ	18.368.376.104	16.692.406.346
TỔNG CỘNG	364.151.280.333	699.963.376.175

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (*)	872.095.149.718	98.485.195.782
Lãi tiền vay	2.528.444.444	3.610.319.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá	738.732.995	1.051.771.865
Chi phí tài chính khác	881.724.297	1.213.539.331
TỔNG CỘNG	876.244.051.454	104.360.826.426

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản dự phòng được trích lập bổ sung cho các khoản lỗ và các tổn thất tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng và Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp phát sinh trước thời điểm các công ty này được chuyển đổi thành công ty TNHH Một thành viên (Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí bán hàng khác	283.676.787	528.259.539
TỔNG CỘNG	283.676.787	528.259.539
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	119.483.094.193	100.545.123.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.173.274.922	19.490.595.034
Cấp kinh phí cho Viện Công nghệ Xi măng	10.160.000.000	15.445.000.000
Chi phí tiếp khách, hội nghị	10.092.556.472	6.440.078.201
Thuế, phí lệ phí	11.576.524.935	6.489.932.337
Khấu hao tài sản cố định	7.035.206.325	7.355.979.521
Chi phí tiền thuê đất	6.489.046.287	11.853.318.404
Chi phí hỗ trợ từ thiện	4.140.000.000	17.026.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	1.873.228.568	3.529.631.012
Chi phí quảng cáo, bóng đá	1.880.000.000	3.120.000.000
Chi phí bản quyền phần mềm Oracle	1.553.203.702	4.408.450.198
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	-	2.140.000.000
Hoàn nhập dự phòng/(dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(111.110.681.844)	154.653.538.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	566.892.017	1.929.029.425
TỔNG CỘNG	97.912.345.577	354.426.675.571

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí nhân công	119.483.094.193	100.545.123.439
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.181.105.685	7.447.919.090
Chi phí hàng hóa và dịch vụ mua ngoài	348.677.093.536	711.841.516.206
Hoàn nhập dự phòng/(dự phòng) phải thu khó đòi	(111.110.681.844)	154.653.538.000
Chi phí khác	98.116.691.127	80.430.214.550
TỔNG CỘNG	462.347.302.697	1.054.918.311.285

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần trước thuế	105.129.414.317	94.727.593.231
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(768.591.533.496)	(278.404.605.782)
Các chi phí không được khấu trừ	2.828.691.621	138.165.400
Các khoản tiền phạt	216.972.895	54.774.155
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm nay	(120.195.537)	(3.981.257.746)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm trước	3.981.257.746	-
Chi phí đã được khấu trừ thuế từ các năm trước	-	1.795.690.000
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của năm trước	(411.962.909)	-
Lỗ điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	(656.967.355.363)	(185.669.640.742)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(8.224.041.944)	(8.148.245.514)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước (*)	667.829.562	106.256.261
Thuế TNDN đã trả trong năm	(539.409.253)	(182.052.691)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(8.095.621.635)	(8.224.041.944)

(*) Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước theo Quyết định số 71132/QĐ-CT-KTT2 ngày 4 tháng 11 năm 2015 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khoản lỗ lũy kế là 1.096.102.320.302 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

Đơn vị tính: VND

Năm/kỳ phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015
2013 (*)	2018	253.465.324.197	-	-	253.465.324.197
2014 (*)	2019	185.669.640.742	-	-	185.669.640.742
2015 (**)	2020	656.967.355.363	-	-	656.967.355.363
		1.096.102.320.302	-	-	1.096.102.320.302

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế

(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế nêu trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phí tư vấn	Cước vận chuyển, phí giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/dài hạn	Cổ tức /lợi nhuận được chia, cổ phiếu thưởng trong năm	Clinker, xi măng ủy thác xuất khẩu	Bán hàng hóa/(mua hàng hóa)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	3.662.163.444	19.224.745.656	11.320.833.333	-	-	33.452.115.656
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	59.832.227.367	33.364.524.264	-	351.934.482.196	417.164.089.301	50.508.378.767
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	4.272.039.473	-	12.375.694.444	-	-	36.096.322.646
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Công ty con	47.435.013.972	103.038.979.453	-	-	114.959.611.817	101.828.052.667
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	28.519.000.196	17.411.422.736	1.826.240.232	-	103.523.065.815	65.462.117.609
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	21.845.834.836	-	-	15.327.540.000	-	37.407.988.892
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà tiên 1	Công ty con	55.845.016.030	112.445.455	1.246.880.711	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	4.790.161.654	-	2.430.555.556	-	-	21.027.927.992
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty con	1.033.654.713	-	-	1.075.357.500	-	(345.782.904.229)
Công ty Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	4.727.781.402	-	2.840.400.000	112.448.848.200	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty liên doanh	1.025.461.940	-	-	20.191.880.000	-	-
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh	-	-	-	95.875.246.400	-	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Công ty liên kết	19.451.530.438	-	-	44.028.425.000	-	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên kết	-	-	-	96.806.500.000	-	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2014 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phí tư vấn	Cước vận chuyển, phí giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/ dài hạn	Cổ tức /lợi nhuận được chia, cổ phiếu thưởng trong năm	Clinker, xi măng ủy thác xuất khẩu	Bán hàng hóa	Mua hàng hóa	Thoái vốn
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	2.240.946.200	35.421.408.774	7.097.222.222	-	267.764.596.493	41.286.261.441	127.920.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	61.742.058.191	26.513.239.144	-	178.106.475.282	346.687.106.960	52.761.722.296	144.367.631.100	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	2.650.910.295	3.099.676.364	3.855.555.554	-	18.416.064.498	41.623.026.817	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Công ty con	47.979.434.060	127.375.697.533	-	-	706.489.645.643	128.766.841.980	41.441.921.696	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	22.628.216.002	60.178.448.066	6.605.210.752	-	357.265.451.318	75.561.168.640	43.353.403.280	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	21.617.773.468	-	-	-	-	43.284.383.445	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà tiên 1	Công ty con	39.677.182.238	449.781.818	1.246.880.713	-	-	229.046.996.076	14.439.005.694	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	5.268.611.526	-	-	-	-	26.882.515.778	518.681.665	164.267.600.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty con	1.141.927.887	-	-	-	-	-	384.420.860.397	-
Công ty Xi măng Chifon	Công ty liên doanh	-	-	-	76.698.060.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Công ty liên doanh	16.864.150.515	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh	-	-	-	17.456.724.600	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 6, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ.

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

		Đơn vị tính: VND					
Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	20.641.463.425	-	200.000.000.000	14.718.990.035	-	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	3.318.919.122	-	-	351.934.482.196	30.084.323.566	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	71.574.828.551	200.000.000.000	50.000.000.000	14.396.904.914	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	28.002.776.008	-	-	11.526.262.700	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	99.781.568.701	-	-	-	271.536.348	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	18.946.066.707	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	37.544.998.516	-	17.568.573.607	628.564.522	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	740.919.423	-	-	-	82.421.439.345	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	12.206.353.579	-	-	4.477.328.608	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	3.873.878.922	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	542.103.403	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	2.457.349.267	-	24.000.000.000	2.840.400.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty con	255.505.800	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty con	284.041.516	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	52.771.960	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	5.167.771	-	-	3.039.786.666	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty con	161.894.849	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	592.318.979	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Công ty liên doanh	6.139.286.628	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên doanh	-	-	-	7.322.300.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết	-	-	-	1.800.000.000	-	-
Công ty Tài Chính Cổ phần Xi măng	Công ty liên kết	-	-	-	4.303.523.312	-	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	281.169.785	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tám lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	Đầu tư dài hạn	-	-	-	6.804.732.000	-	-
Viện Công nghệ Xi măng		-	-	-	-	-	1.608.145.000
		307.403.382.912	200.000.000.000	291.568.573.607	423.793.274.953	112.777.299.259	1.608.145.000

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	85.992.569.477	-	100.000.000.000	35.754.952.624	10.472.381.993	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	32.528.912.479	-	-	65.723.538.117	46.405.350.932	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	86.382.316.484	100.000.000.000	-	78.721.210.470	50.022.729	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	14.858.907.347	-	-	-	58.545.969.502	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	31.648.698.215	93.067.548.762	-	1.664.875.039	2.099.962.141	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	14.385.806.090	-	-	-	-	637.610.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	113.583.498.968	-	17.568.573.607	91.602.810.801	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	435.652.235	-	-	-	84.878.775.165	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	6.910.343.194	-	-	2.046.773.052	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	3.493.683.547	-	-	530.260.387	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	248.943.380	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	5.628.821.564	-	28.000.000.000	3.280.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Công ty con	6.499.200.947	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty con	12.442.812.491	-	-	-	-	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	16.028.733	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	3.370.631	-	6.800.000.000	2.713.081.110	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty con	84.835.004	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	312.023.936	-	-	5.047.970.000	-	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Công ty đồng liên doanh	4.942.483.089	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	171.414.685	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết	-	-	-	1.800.000.000	-	-
Công ty Tài Chính Cổ phần Xi măng	Công ty liên kết	-	-	-	4.303.523.312	-	-
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	Đầu tư dài hạn	-	-	-	6.804.732.000	-	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh	-	-	-	-	-	-
Viện Công nghệ Xi măng	Đơn vị trực thuộc	-	-	-	-	-	2.723.000.000
		420.570.322.496	193.067.548.762	152.368.573.607	299.993.926.912	202.452.462.462	3.360.610.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Bảo lãnh cho các khoản vay

Tổng Công ty bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Vicem Hải Phòng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ACB với giá trị nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 138,6 tỷ đồng; và khoản vay của Công ty TNHH MTV Vicem Tam Điệp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với giá trị nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 237,7 tỷ đồng.

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 213 tỷ đồng liên quan đến việc xây dựng "Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem" và "Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy".

30. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT VÀ PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo kết quả thanh tra của cơ quan thuế. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã phân loại lại một số dữ liệu tương ứng cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG				
Đầu tư ngắn hạn	(i)	195.546.611.262	(195.546.611.262)	-
Chứng khoán kinh doanh	(i)	-	2.479.062.500	2.479.062.500
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(i)	(1.000.653.500)	1.000.653.500	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(i)	-	(1.000.653.500)	(1.000.653.500)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(i)	-	193.067.548.762	193.067.548.762
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		309.401.103.692	(1.137.793.924)	308.263.309.768
Dự phòng phải thu khó đòi		(163.978.181.038)	8.604.732.000	(155.373.449.038)
Tài sản ngắn hạn khác	(i)	3.910.176.076	(3.910.176.076)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	(i)	-	152.368.573.607	152.368.573.607
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(i)	401.844.718.692	(152.368.573.607)	249.476.145.085
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		17.289.568.586	40.975.973	17.330.544.559
Phải trả người lao động		40.390.528.799	(1.277.692.784)	39.112.836.015
Chi phí phải trả	(ii)	50.197.294.323	(12.384.663.650)	37.812.630.673
Quỹ đầu tư phát triển		378.300.016.866	5.153.442.738	383.453.459.604
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(iii)	-	12.024.699.723	12.024.699.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT VÀ PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2014 (được trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	926.652.155.098	(665.480.000)	925.986.675.098
Chi phí tài chính (ii)	(112.620.284.349)	8.259.457.923	(104.360.826.426)
Chi phí quản lý doanh nghiệp (ii)	(367.804.056.109)	13.377.380.538	(354.426.675.571)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (iii)	74.750.660.983	20.971.358.461	95.722.019.444
Tổng lợi nhuận trước thuế (iii)	73.756.234.770	20.971.358.461	94.727.593.231
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN (iii)	73.649.978.509	20.971.358.461	94.621.336.970

Các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- (i) Các điều chỉnh, phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200
- (ii) Chủ yếu bao gồm các khoản điều chỉnh giảm chi phí trích trước, giảm chi phí tài chính (chi phí bảo lãnh khoản vay cho Công ty Cổ phần Vicem Xi măng Hoàng Mai) và giảm chi phí quản lý doanh nghiệp đối với các khoản dự phòng phải thu cổ tức từ Công ty Cổ phần Sông Đà 12 và Công ty Cổ phần tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai, giảm chi phí phải trả khác v.v. theo Quyết định số 71132/QĐ-CT-KTT2 ngày 4 tháng 11 năm 2015 của Cục thuế thành phố Hà Nội.
- (iii) Ảnh hưởng của các điều chỉnh tại mục (ii) và một số điều chỉnh khác đối với lợi nhuận trong năm 2014 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như được trình bày tại Thuyết minh số 1, thực hiện theo Văn bản số 33/VPCP-ĐMDN ngày 7 tháng 1 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Quyết định số 66/QĐ-BXD ngày 20 tháng 1 năm 2016 về chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty, vào ngày 3 tháng 2 năm 2016, Tổng Công ty Sông Đà và Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã ký Biên bản Thỏa thuận chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty với số lượng cổ phần được chuyển giao là 64.576.290 cổ phần, tương ứng với 65,76% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, các nội dung về công tác chuyển giao như được đề cập tại Biên bản Thỏa thuận chuyển giao vẫn đang được các bên liên quan tiếp tục thực hiện.

Ngoại trừ sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.



Người lập
Trịnh Thị Hương



Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung




Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 25 tháng 3 năm 2016